

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ  
HOÀNG GIA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hạ Long, ngày 28 tháng 01 năm 2021*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
  - Mã chứng khoán : RIC
  - Địa chỉ trụ sở chính : Phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
  - Điện thoại : 0333.848.777 Fax: 0333.846.728
  - Người thực hiện CBTT : Ông Đỗ Trí Vỹ
  - Chức vụ : Tổng giám đốc
- Loại thông tin công bố : ☒ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố (\*):**

Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2020.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28/01/2021 tại đường dẫn: <http://vn.royalhalonghotel.com/tin-tuc>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*[Signature]*

**Đỗ Trí Vỹ**

**Phụ lục V**  
**Appendix V**  
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng*

*Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**QUỐC TẾ HOÀNG GIA**  
**COMPANY'S NAME**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**  
**NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF**  
**VIETNAM**

**Independence - Freedom – Happiness**

-----

Số: 031/BC-RIC

No: ....BC-...

*Hà Long, ngày 28 tháng 01 năm 2021*

*..., month... day....year...*

**BÁO CÁO**  
**Tình hình quản trị công ty**  
**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

**(năm 2020)**

**(2020 year)**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To: - The State Securities Commission;  
- The Stock Exchange.

- Tên công ty/Name of company: **Công ty cổ phần quốc tế Hoàng Gia**
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: Phường Bãi Cháy, TP. Hà Long, tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại/Telephone: 0203.3846.777 Fax: 0203.3846.728 Email:
- Vốn điều lệ/Charter capital: 703.687.540.000 đồng
- Mã chứng khoán/Stock symbol: RIC
- Mô hình quản trị công ty/Governance model: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc/ Giám đốc và có Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản



trị/ *General Meeting of Shareholders, Board of Directors, General Director, Director and Audit Committee under the Board of Directors.*

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Chưa lập báo cáo kiểm toán nội bộ /*The implementation of internal audit: Not yet implemented.*

### **I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông***Activities of the General Meeting of Shareholders*

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/*Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):*

| Stt<br>No | Số Nghị<br>quyết/Quyết<br>định <i>Resoluti<br/>on/Decision</i><br>No. | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           | 2020/NQ-<br>ĐHCĐTN                                                    | 16/06/20<br>20      | <b>Điều 1:</b> Thông qua báo cáo công tác năm 2019 của Hội đồng quản trị và Tiểu ban kiểm toán nội bộ.<br><b>Điều 2:</b> Thông qua kết quả kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch kinh doanh năm 2020.<br><b>Điều 3:</b> Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Deloitte là Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.<br><b>Điều 4:</b> Thông qua việc sửa đổi Điều lệ của Công ty. |

### **II. Hội đồng quản trị năm 2020/ Board of Directors (Semiannual report/annual report):**

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)*Information about the members of the Board of Directors:* Gồm 9 thành viên sau:

| Stt<br>No | Thành viên<br>HĐQT/ <i>Board of<br/>Directors' members</i> | Chức<br>vụ/ <i>Position</i><br>( <i>thành viên<br/>HĐQT độc<br/>lập, TVHĐQT<br/>không điều<br/>hành</i> ))<br><i>Independent<br/>members of<br/>the Board of<br/>Directors,<br/>Non-executive<br/>members of<br/>the Board of<br/>Directors</i> )) | Ngày bổ<br>nhiệm<br><i>Date of<br/>appointment</i> | Ngày<br>miễn<br>nhiệm<br><i>Date of<br/>dismissal</i> |
|-----------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| 1         | Bà Nguyễn Tiểu Mai<br>(Juan Hsiao Mei)                     | Chủ tịch<br>HĐQT                                                                                                                                                                                                                                   | 25/06/2016                                         |                                                       |
| 2         | Ông Nguyễn Khải Phát<br>(Juan Chi Fa)                      | Thành viên<br>HĐQT                                                                                                                                                                                                                                 | 25/06/2016                                         |                                                       |
| 3         | Bà Đào Ngọc Hoa                                            | Thành viên<br>HĐQT                                                                                                                                                                                                                                 | 25/06/2016                                         |                                                       |
| 4         | Ông Phạm Ngọc Nam                                          | Thành viên<br>HĐQT<br>kiêm Phó TGD                                                                                                                                                                                                                 | 25/06/2016                                         |                                                       |
| 5         | Ông Lê Quốc Thắng                                          | Thành viên<br>HĐQT                                                                                                                                                                                                                                 | 25/06/2016                                         |                                                       |
| 6         | Bà Ngô Thu Mật<br>(Wu Chiu Mi)                             | Thành viên<br>HĐQT                                                                                                                                                                                                                                 | 25/06/2017                                         |                                                       |
| 7         | Bà Nguyễn Chính Chi<br>(Juan Cheng Chih)                   | Thành viên<br>HĐQT Độc lập                                                                                                                                                                                                                         | 25/06/2017                                         |                                                       |
| 8         | Bà Điền Dục Thanh<br>(Tien Yu Ching)                       | Thành viên<br>HĐQT Độc lập                                                                                                                                                                                                                         | 25/06/2017                                         |                                                       |
| 9         | Bà Lý Tiên Lệ<br>(Lee Hsien Li)                            | Thành viên<br>HĐQT Độc lập                                                                                                                                                                                                                         | 25/06/2017                                         |                                                       |

2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT/<br><i>Board of Director' member</i> | Số buổi họp<br>HĐQT tham<br>dự/<br><i>Number of<br/>meetings<br/>attended by<br/>Board of<br/>Directors</i> | Tỷ lệ tham<br>dự họp/<br><i>Attendance<br/>rate</i> | Lý do<br>không<br>tham dự<br>họp/ <i>Reas<br/>ons for<br/>absence</i> |
|------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 1          | Bà Nguyễn Tiểu Mai<br>(Juan Hsiao Mei)               | 7/7                                                                                                         | 100%                                                |                                                                       |
| 2          | Ông Nguyễn Khải Phát<br>(Juan Chi Fa)                | 7/7                                                                                                         | 100%                                                |                                                                       |
| 3          | Bà Đào Ngọc Hoa                                      | 7/7                                                                                                         | 100%                                                |                                                                       |
| 4          | Ông Phạm Ngọc Nam                                    | 7/7                                                                                                         | 100%                                                |                                                                       |
| 5          | Ông Lê Quốc Thắng                                    | 7/7                                                                                                         | 100%                                                |                                                                       |
| 6          | Bà Ngô Thu Mật<br>(Wu Chiu Mi)                       | 7/7                                                                                                         | 100%                                                |                                                                       |
| 7          | Bà Nguyễn Chính Chi<br>(Juan Cheng Chih)             | 7/7                                                                                                         | 100%                                                |                                                                       |
| 8          | Bà Điền Dục Thanh<br>(Tien Yu Ching)                 | 7/7                                                                                                         | 100%                                                |                                                                       |
| 9          | Bà Lý Tiên Lệ<br>(Lee Hsien Li)                      | 7/7                                                                                                         | 100%                                                |                                                                       |

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/Supervising the Board of Management by the Board of Directors:

- Giám sát BGĐ thực hiện các Nghị quyết HĐQT và Nghị quyết ĐHCĐ
- Giám sát hoạt động của từng bộ phận kinh doanh trong công ty;
- Thúc đẩy việc phê duyệt cấp phép cho dự án phía Tây Khách sạn Hoàng Gia.
- Kết hợp với Công ty kiểm toán lập Báo cáo tài chính đúng hạn, đúng quy định của pháp luật về chế độ kế toán hiện hành;
- Chỉ đạo giám sát tổ chức họp ĐHCĐ thường niên năm 2020 đúng theo quy định;
- Giám sát tình hình thực hiện công bố thông tin theo quy định;

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):

\* Hoạt động của Tiểu ban kiểm toán nội bộ:

- Giám sát thu, chi;
- Giám sát hạch toán kế toán;
- Định kỳ thực hiện việc soát xét báo cáo tài chính;
- Giám sát tuân thủ các quy định của pháp luật.

\* Hoạt động của Tiểu ban chính sách và đơn đốc thực hiện:

- Xếp xếp lại bộ máy quản lý và nhân lực của Công ty;
- Giám sát giá thành và tình hình kinh doanh;
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông và Nghị quyết HĐQT;

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2020 /Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual report/annual report):

| Stt<br>No. | Số<br>Nghị<br>quyết/<br><i>Resolu-<br/>tion</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                     | Tỷ lệ<br>thông<br>qua<br><i>Approv-<br/>al rate</i><br>(%) |
|------------|-------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1          |                                                 | 13/02/2020          | - Lùi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đến tháng 06 năm 2020        | 88,89                                                      |
| 2          |                                                 | 20/03/2020          | - Điều chỉnh chỉ tiêu kinh doanh năm 2020 của Nghị quyết ngày 30/12/2019                       | 88,89                                                      |
| 3          |                                                 | 04/05/2020          | - Lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam làm đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2020; | 88,89                                                      |

| Stt<br>No. | Số<br>Nghị<br>quyết/<br><i>Resolution</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Tỷ lệ<br>thông<br>qua<br><i>Approval rate</i><br>(%) |
|------------|-------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
|            |                                           |                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày chốt danh sách cổ đông là ngày: 26 tháng 05 năm 2020;</li> <li>- Ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên là ngày 16/06/2020;</li> <li>- Nội dung nghị sự của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                          |                                                      |
| 4          |                                           | 27/05/2020          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban hành “Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020”;</li> <li>- Điều 2: Thông qua nội dung tài liệu của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                         | 88,89                                                |
| 5          |                                           | 10/06/2020          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa đổi, bổ sung điều lệ;</li> <li>- Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi bổ sung điều lệ;</li> <li>- Điều chỉnh chương trình của Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>- Thông qua phương án vay vốn tối đa 100.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng) tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVcomBank) – chi nhánh Quảng Ninh để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.</li> </ul> | 88,89                                                |
| 6          |                                           | 07/09/2020          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận kế hoạch kinh doanh quý 4 năm 2020 trong tình hình dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp ở Việt Nam và trên thế giới.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 88,89                                                |
| 7          |                                           | 02/10/2020          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Hạ Long . Tổng số tiền vay ngắn hạn quy đồng Việt Nam là: 10.000.000.000 VND (Mười tỷ đồng chẵn./.)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 88,89                                                |

**III. Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo năm 2020)/ Audit Committee (Semi-annual report/annual report):**

**1. Thông tin về thành viên Ủy ban Kiểm toán/ Information about members of Board of Supervisors or Audit Committee:**

| Stt<br>No. | Thành viên Ủy ban<br>Kiểm toán<br><i>Members of Board of<br/>Supervisors/ Audit<br/>Committee</i> | Chức vụ<br><i>Position</i> | Ngày bắt đầu<br>là thành viên<br>Ủy ban Kiểm<br>toán<br><i>The date<br/>becoming/ceas<br/>ing to be the<br/>member of the<br/>Board of<br/>Supervisors</i> | Trình độ<br>chuyên<br>môn<br><i>Qualificati<br/>on</i> |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|
| 1          | Bà Điền Dục Thanh<br>(Tien Yu Ching)                                                              | Trưởng ban                 | 25/06/2018                                                                                                                                                 | Cử nhân<br>Quản trị<br>kinh doanh                      |
| 2          | Bà Nguyễn Chính Chi<br>(Juan Cheng Chih)                                                          | Thành viên                 | 25/06/2018                                                                                                                                                 | Quản lý<br>kinh tế,<br>luật                            |
| 3          | Bà Lý Tiên Lệ<br>(Lee Hsien Li)                                                                   | Thành viên                 | 25/06/2018                                                                                                                                                 | Cử nhân<br>Quản trị<br>kinh doanh                      |

**2. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán/Meetings of Board of Supervisors or Audit Committee**

| Stt<br>No. | Thành viên Ủy ban Kiểm<br>toán <i>Members of Board of<br/>Supervisors/<br/>Audit Committee</i> | Số buổi họp<br>tham<br>dự <i>Number of<br/>meetings<br/>attended</i> | Tỷ lệ tham<br>dự họp<br><i>Attendance<br/>rate</i> | Tỷ lệ<br>biểu<br>quyết<br><i>Voting<br/>rate</i> |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| 1          | Bà Điền Dục Thanh<br>(Tien Yu Ching)                                                           | 7/7                                                                  | 100%                                               | 100%                                             |
| 2          | Bà Nguyễn Chính Chi<br>(Juan Cheng Chih)                                                       | 7/7                                                                  | 100%                                               | 100%                                             |
| 3          | Bà Lý Tiên Lệ<br>(Lee Hsien Li)                                                                | 7/7                                                                  | 100%                                               | 100%                                             |

3. Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/*Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors or Audit Committee:*

- Giám sát thu, chi;
- Giám sát hạch toán kế toán;
- Định kỳ thực hiện việc soát xét báo cáo tài chính;
- Giám sát tuân thủ các quy định của pháp luật.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/*the coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*

- Đóng góp ý kiến với HĐQT và Ban GD về công tác kế toán, lập báo cáo tài chính;
- Tham mưu cho HĐQT điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Hoạt động khác của Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/*Other activities of the Board of Supervisors and Audit Committee (if any):*

#### IV. Ban điều hành/*Board of Management*

| STT<br>No. | Thành viên Ban điều hành<br>/Members of Board of Management | Ngày tháng năm sinh<br>Date of birth | Trình độ chuyên môn<br>Qualification | Ngày bổ nhiệm thành viên Ban điều hành/<br>Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management / |
|------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Ông Đỗ Trí Vỹ - TGD                                         |                                      | Cử nhân QTKD                         | 30/06/2013                                                                                                         |
| 2          | Ông Phạm Ngọc Nam – PTGD thứ nhất                           |                                      | Cử nhân Sư phạm ngoại ngữ            | 02/04/2008                                                                                                         |
| 3          | Ông Loh Siaw Kiang – PTGD thứ hai                           |                                      | QL khách sạn                         | 12/11/2018                                                                                                         |
| 4          | Ông Nguyễn Khải Phát – Tổng GSKD                            |                                      | Cử nhân QTKD                         | 12/11/2018                                                                                                         |

**V. Kế toán trưởng/Chief Accountant**

| Họ và tên<br><i>Name</i> | Ngày tháng năm sinh<br><i>Date of birth</i> | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ<br><i>Qualification</i> | Ngày bổ nhiệm<br><i>Date of appointment</i> |
|--------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------|
| Cao Thị Huyền            | 10/03/1973                                  | Cử nhân<br>Tài chính kế toán                          | 01/07/2019                                  |

**VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:**

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance*: Năm 2020 không tham gia đào tạo.

**VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report/annual report) and transactions of affiliated persons of the Company)**

**1. Danh sách về người có liên quan của công ty/The list of affiliated persons of the Company**

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br><i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br><i>Relationship with the Company</i> |
|------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Bà Nguyễn Tiểu Mai<br>(Juan Hsiao Mei)                        |                                                                                        | Chủ tịch HĐQT                                                           |                                                                                    |                                                         | 25/06/2016                                                                                 |                                                                                            |                         |                                                                            |
| 2          | Ông Nguyễn Khải Phát<br>(Juan Chi Fa)                         |                                                                                        | TV HĐQT                                                                 |                                                                                    |                                                         | 25/06/2016                                                                                 |                                                                                            |                         | Tổng GSKD                                                                  |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br><i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br><i>Relationship with the Company</i> |
|------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| 3          | Bà Đào Ngọc Hoa                                               |                                                                                        | TV HĐQT                                                                 |                                                                                    |                                                         | 25/06/2016                                                                                 |                                                                                            |                         |                                                                            |
| 4          | Ông Phạm Ngọc Nam                                             |                                                                                        | TV HĐQT                                                                 |                                                                                    |                                                         | 25/06/2016                                                                                 |                                                                                            |                         |                                                                            |
| 5          | Ông Lê Quốc Thắng                                             |                                                                                        | TV HĐQT                                                                 |                                                                                    |                                                         | 25/06/2016                                                                                 |                                                                                            |                         | Cổ đông lớn                                                                |
| 6          | Bà Ngô Thu Mật<br>(Wu Chiu Mi)                                |                                                                                        | TV HĐQT                                                                 |                                                                                    |                                                         | 25/06/2017                                                                                 |                                                                                            |                         |                                                                            |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br><i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br><i>Relationship with the Company</i> |
|------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| 7          | Bà Nguyễn Chính Chi<br>(Juan Cheng Chih)                      |                                                                                        | TV<br>HĐQT<br>Độc lập                                                   |                                                                                    |                                                         | 25/06/2017                                                                                 |                                                                                            |                         |                                                                            |
| 8          | Bà Điền Dục Thanh<br>(Tien Yu Ching)                          |                                                                                        | TV<br>HĐQT<br>Độc lập                                                   |                                                                                    |                                                         | 25/06/2017                                                                                 |                                                                                            |                         |                                                                            |
| 9          | Bà Lý Tiên Lệ<br>(Lee Hsien Li)                               |                                                                                        | TV<br>HĐQT<br>Độc lập                                                   |                                                                                    |                                                         | 25/06/2017                                                                                 |                                                                                            |                         |                                                                            |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá<br>nhân <i>Name of<br/>organization/indi<br/>vidual</i> | Tài<br>khoản<br>giao<br>dịch<br>chứng<br>khoán(<br>nếu có)<br><i>Securit<br/>ies<br/>trading<br/>accoun<br/>t<br/>(if any)</i> | Chức vụ<br>tại công<br>ty (nếu<br>có) <i>Posi<br/>tion at<br/>the<br/>Compan<br/>y (if<br/>any)</i> | Số Giấy NSH*, ngày<br>cấp, nơi cấp <i>NSH No. *,<br/>date of issue, place of<br/>issue</i> | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ liên<br>hệ <i>Address</i> | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên<br>quan <i>Time<br/>of starting<br/>to be<br/>affiliated<br/>person</i> | Thời<br>điểm<br>không<br>còn là<br>người<br>có liên<br>quan <i>T<br/>ime of<br/>ending<br/>to be<br/>affiliat<br/>ed<br/>person</i> | Lý<br>do<br><i>Rea<br/>sons</i> | Mối<br>quan<br>hệ liên<br>quan<br>với<br>công<br>ty/<br><i>Relat<br/>ionship<br/>with<br/>the<br/>Compa<br/>ny</i> |
|------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10         | Ông Đỗ Trí Vỹ<br>(Tu Chih Wei)                                         |                                                                                                                                | Tổng<br>GD -<br>Đại<br>diện PL                                                                      |                                                                                            |                                                            | 25/06/2016                                                                                                          |                                                                                                                                     |                                 | Người<br>CBTT                                                                                                      |
| 11         | Ông Loh Siaw Kiang                                                     |                                                                                                                                | Phó<br>TGD<br>thứ hai                                                                               |                                                                                            |                                                            | 12/11/2018                                                                                                          |                                                                                                                                     |                                 |                                                                                                                    |
| 12         | Bà Cao Thị Huyền                                                       |                                                                                                                                | KTT                                                                                                 |                                                                                            |                                                            | 01/07/2019                                                                                                          |                                                                                                                                     |                                 |                                                                                                                    |
| 13         | Bà Phạm Thị Tố<br>Quyên                                                |                                                                                                                                | Người<br>phụ<br>trách                                                                               |                                                                                            |                                                            | 30/12/2019                                                                                                          |                                                                                                                                     |                                 |                                                                                                                    |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá<br>nhân <i>Name of<br/>organization/indi<br/>vidual</i> | Tài<br>khoản<br>giao<br>dịch<br>chứng<br>khoán(<br>nếu có)<br><i>Securit<br/>ies<br/>trading<br/>accoun<br/>t<br/>(if any)</i> | Chức vụ<br>tại công<br>ty (nếu<br>có) <i>Posi<br/>tion at<br/>the<br/>Compan<br/>y (if<br/>any)</i> | Số Giấy NSH*, ngày<br>cấp, nơi cấp <i>NSH No. *,<br/>date of issue, place of<br/>issue</i> | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ liên<br>hệ <i>Address</i> | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên<br>quan <i>Time<br/>of starting<br/>to be<br/>affiliated<br/>person</i> | Thời<br>điểm<br>không<br>còn là<br>người<br>có liên<br>quan <i>T<br/>ime of<br/>ending<br/>to be<br/>affiliat<br/>ed<br/>person</i> | Lý<br>do<br><i>Rea<br/>sons</i> | Mối<br>quan<br>hệ liên<br>quan<br>với<br>công<br>ty/<br><i>Relat<br/>ionship<br/>with<br/>the<br/>Compa<br/>ny</i> |
|------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                        |                                                                                                                                | QTCT                                                                                                |                                                                                            |                                                            |                                                                                                                     |                                                                                                                                     |                                 |                                                                                                                    |
| 14         | Kai Chieh<br>International<br>Investment Ltd                           |                                                                                                                                |                                                                                                     |                                                                                            |                                                            | 2009                                                                                                                |                                                                                                                                     |                                 | Cổ<br>đồng<br>lớn                                                                                                  |
| 15         | Không có                                                               |                                                                                                                                | Thư ký                                                                                              |                                                                                            |                                                            |                                                                                                                     |                                                                                                                                     |                                 |                                                                                                                    |

2. Giao dịch giữa công ty với cổ đông lớn / *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons:*

| STT<br>No. | Tên tổ<br>chức/cá nhân<br><i>Name of<br/>organization/<br/>individual</i> | Mối quan hệ<br>liên quan với<br>công<br>ty<br><i>Relationship<br/>with the<br/>Company</i> | Số Giấy<br>NSH*, ngày<br>cấp, nơi<br>cấp NSH<br><i>No. * date of<br/>issue, place<br/>of issue</i> | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ<br><i>Address</i>                                                   | Thời điểm<br>giao dịch<br>với công<br>ty<br><i>Time of<br/>transactions<br/>with the<br/>Company</i> | Số Nghị quyết/<br>Quyết định của<br>ĐHĐCĐ/<br>HĐQT... thông<br>qua (nếu có, nêu<br>rõ ngày ban<br>hành)<br><i>Resolution<br/>No. or Decision<br/>No.</i>                                                                     | Nội dung,<br>số lượng,<br>tổng giá trị<br>giao<br>dịch/<br><i>Content, quantity,<br/>total value<br/>of transacti<br/>on</i> | Ghi<br>chú<br><i>Note</i> |
|------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| 1          | Kai Chieh<br>International<br>Investment<br>Ltd                           | Cổ đông lớn                                                                                |                                                                                                    | 2nd Floor,<br>P.O.BOX<br>30592..., Cayside<br>Harbour Drive,<br>Geogre Town,<br>Grand Cayman,<br>Cayman Islands | Từ<br>01/01đến<br>31/12/2020                                                                         | Công ty Kai<br>Chieh<br>International<br>Investment Ltd<br>đến sử dụng dịch<br>vụ tại khách sạn,<br>nhà hàng của<br>Hoàng Gia có<br>giá trị nhỏ và<br>thanh toán như<br>khách hàng khác<br>nên không ban<br>hành Nghị quyết. | 256.229.200<br>VND                                                                                                           | 4 lần                     |

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power. Không có
4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/Transactions between the Company and other objects
- 4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting). Không có
- 4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO). Không có
- 4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/ Other transactions of the Company (if any) may bring material or non-material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers. Không có

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm 2020)/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report/annual report)**

2. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/The list of internal persons and their affiliated persons công ty / Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company

| stt<br>No.               | Họ tên <i>Name</i>                     | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có) <i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu<br>có) <i>Positio<br/>n at the<br/>company<br/>(if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No.,<br/>date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên<br>hệ <i>Address</i> | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ <i>Numb<br/>er of<br/>shares<br/>owned at<br/>the end of<br/>the<br/>period</i> | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối<br>kỳ<br><i>Perce<br/>ntage<br/>of<br/>share<br/>owner<br/>ship at<br/>the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Ghi<br>chú <i>Note</i> |
|--------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1                        | Bà Nguyễn Tiểu Mai<br>(Juan Hsiao Mei) |                                                                                                             | Chủ tịch<br>HĐQT                                                                           |                                                                                                               |                                   | 2.158.571                                                                                                           | 3,07%                                                                                                                                               |                        |
| <b>Cá nhân liên quan</b> |                                        |                                                                                                             |                                                                                            |                                                                                                               |                                   |                                                                                                                     |                                                                                                                                                     |                        |
| 1.1                      | Bà Ngô Thu Mật                         |                                                                                                             | TV HĐQT                                                                                    |                                                                                                               |                                   | 2.261.980                                                                                                           | 3,21%                                                                                                                                               | Mẹ                     |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>                       | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có) <i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu<br>có) <i>Positio<br/>n at the<br/>company<br/>(if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No.,<br/>date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên<br>hệ <i>Address</i> | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ <i>Numb<br/>er of<br/>shares<br/>owned at<br/>the end of<br/>the<br/>period</i> | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối<br>kỳ<br><i>Perce<br/>ntage<br/>of<br/>share<br/>owner<br/>ship at<br/>the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Ghi<br>chú <i>Note</i> |
|------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
|            | (Wu, Chiu-Mi)                            |                                                                                                             |                                                                                            |                                                                                                               |                                   |                                                                                                                     |                                                                                                                                                     |                        |
| 1.2        | Ông Nguyễn Khải<br>Phát<br>(Juan Chi Fa) |                                                                                                             | TV HĐQT                                                                                    |                                                                                                               |                                   | 2.299.092                                                                                                           | 3,27%                                                                                                                                               | Em<br>traí             |
| 1.3        | Bà Nguyễn Úc Đình                        |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Em<br>gái              |

| stt<br>No.               | Họ tên <i>Name</i>                  | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có) <i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu<br>có) <i>Positio<br/>n at the<br/>company<br/>(if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No.,<br/>date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên<br>hệ <i>Address</i> | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ <i>Numb<br/>er of<br/>shares<br/>owned at<br/>the end of<br/>the<br/>period</i> | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối<br>kỳ<br><i>Perce<br/>ntage<br/>of<br/>share<br/>owner<br/>ship at<br/>the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Ghi<br>chú <i>Note</i> |
|--------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1.4                      | Ông Ngô Vỹ Thành                    |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Chồng                  |
| <b>Tổ chức liên quan</b> |                                     |                                                                                                             |                                                                                            |                                                                                                               |                                   |                                                                                                                     |                                                                                                                                                     |                        |
| 1.5                      | Công ty cổ phần quốc<br>tế Lạng Sơn |                                                                                                             | TV HĐQT                                                                                    |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     |                        |
| 2                        | <b>Ông Nguyễn Khải<br/>Phát</b>     |                                                                                                             | <b>TV HĐQT</b>                                                                             |                                                                                                               |                                   | <b>2.299.092</b>                                                                                                    | <b>3,27%</b>                                                                                                                                        |                        |

| stt<br>No.               | Họ tên <i>Name</i>                     | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có) <i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu<br>có) <i>Positio<br/>n at the<br/>company<br/>(if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No.,<br/>date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên<br>hệ <i>Address</i> | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ <i>Numb<br/>er of<br/>shares<br/>owned at<br/>the end of<br/>the<br/>period</i> | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối<br>kỳ<br><i>Perce<br/>ntage<br/>of<br/>share<br/>owner<br/>ship at<br/>the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Ghi<br>chú <i>Note</i> |
|--------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
|                          | (Juan Chi Fa)                          |                                                                                                             |                                                                                            |                                                                                                               |                                   |                                                                                                                     |                                                                                                                                                     |                        |
| <b>Cá nhân liên quan</b> |                                        |                                                                                                             |                                                                                            |                                                                                                               |                                   |                                                                                                                     |                                                                                                                                                     |                        |
| 2.1                      | Bà Ngô Thu Mật<br>(Wu, Chiu-Mi)        |                                                                                                             | UV HĐQT                                                                                    |                                                                                                               |                                   | 2.261.980                                                                                                           | 3,21%                                                                                                                                               | Mẹ                     |
| 2.2                      | Bà Nguyễn Tiểu Mai<br>(Juan Hsiao Mei) |                                                                                                             | Chủ tịch<br>HĐQT                                                                           |                                                                                                               |                                   | 2,158.571                                                                                                           | 3,07%                                                                                                                                               | Chị                    |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>      | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có) <i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu<br>có) <i>Positio<br/>n at the<br/>company<br/>(if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No.,<br/>date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên<br>hệ <i>Address</i> | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ <i>Numb<br/>er of<br/>shares<br/>owned at<br/>the end of<br/>the<br/>period</i> | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối<br>kỳ<br><i>Perce<br/>ntage<br/>of<br/>share<br/>owner<br/>ship at<br/>the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Ghi<br>chú <i>Note</i> |
|------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 2.3        | Bà Nguyễn Úc Đình       |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Em<br>gái              |
| 2.4        | Bà Trương Huệ Đình      |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Vợ                     |
| 2.5        | Bà Nguyễn Doanh<br>Dung |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Con<br>gái             |

| stt<br>No.               | Họ tên <i>Name</i>                  | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có) <i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu<br>có) <i>Positio<br/>n at the<br/>company<br/>(if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No.,<br/>date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên<br>hệ <i>Address</i> | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ <i>Numb<br/>er of<br/>shares<br/>owned at<br/>the end of<br/>the<br/>period</i> | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối<br>kỳ<br><i>Perce<br/>ntage<br/>of<br/>share<br/>owner<br/>ship at<br/>the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Ghi<br>chú <i>Note</i> |
|--------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 2.6                      | Ông Nguyễn Hoán<br>Duệ              |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Con<br>trai            |
| 2.7                      | Ông Nguyễn Hựu<br>Khải              |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Con<br>trai            |
| <b>Tổ chức liên quan</b> |                                     |                                                                                                             |                                                                                            |                                                                                                               |                                   |                                                                                                                     |                                                                                                                                                     |                        |
| 2.8                      | Công ty cổ phần quốc<br>tế Lạng Sơn |                                                                                                             | TV HĐQT                                                                                    |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     |                        |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>                    | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có) <i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu<br>có) <i>Positio<br/>n at the<br/>company<br/>(if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No.,<br/>date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên<br>hệ <i>Address</i> | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ <i>Numb<br/>er of<br/>shares<br/>owned at<br/>the end of<br/>the<br/>period</i> | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối<br>kỳ<br><i>Perce<br/>ntage<br/>of<br/>share<br/>owner<br/>ship at<br/>the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Ghi<br>chú <i>Note</i> |
|------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 3          | Bà Đào Ngọc Hoa                       |                                                                                                             | TV HĐQT                                                                                    |                                                                                                               |                                   | 2.908.754                                                                                                           | 4,13%                                                                                                                                               |                        |
| 3.1        | Ông Yan Gong Hao<br>(Nguyễn Công Hạo) |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 705.865                                                                                                             | 1,00%                                                                                                                                               | Chồng                  |
| 3.2        | Ông Nguyễn Huân<br>Khải               |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | con<br>trai            |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>           | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có) <i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu<br>có) <i>Positio<br/>n at the<br/>company<br/>(if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No.,<br/>date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên<br>hệ <i>Address</i> | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ <i>Numb<br/>er of<br/>shares<br/>owned at<br/>the end of<br/>the<br/>period</i> | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối<br>kỳ<br><i>Perce<br/>ntage<br/>of<br/>share<br/>owner<br/>ship at<br/>the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Ghi<br>chú <i>Note</i> |
|------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 3.3        | Bà Nghiêm Gia Hân            |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | con<br>gái             |
| 4          | <b>Ông Phạm Ngọc<br/>Nam</b> |                                                                                                             | <b>TV HĐQT<br/>kiêm<br/>PTGD</b>                                                           |                                                                                                               |                                   | <b>1.280</b>                                                                                                        | <b>0,002<br/>%</b>                                                                                                                                  |                        |
| 4.1        | Bà Phạm Thị Hòa              |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Vợ                     |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>     | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có) <i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu<br>có) <i>Positio<br/>n at the<br/>company<br/>(if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No.,<br/>date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên<br>hệ <i>Address</i> | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ <i>Numb<br/>er of<br/>shares<br/>owned at<br/>the end of<br/>the<br/>period</i> | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối<br>kỳ<br><i>Perce<br/>ntage<br/>of<br/>share<br/>owner<br/>ship at<br/>the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Ghi<br>chú <i>Note</i> |
|------------|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 4.2        | Ông Phạm Thanh<br>Tùng |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Con<br>trai            |
| 4.3        | Ông Phạm Tiến Dũng     |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Con<br>trai            |
| 4.4        | Bà Phạm Thị Thu Hà     |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 02                                                                                                                  |                                                                                                                                                     | Em<br>gái              |
| 4.5        | Bà Phạm Thị Chung      |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Em<br>gái              |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i> | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có) <i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu<br>có) <i>Positio<br/>n at the<br/>company<br/>(if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No.,<br/>date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên<br>hệ <i>Address</i> | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ <i>Numb<br/>er of<br/>shares<br/>owned at<br/>the end of<br/>the<br/>period</i> | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối<br>kỳ<br><i>Perce<br/>ntage<br/>of<br/>share<br/>owner<br/>ship at<br/>the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Ghi<br>chú <i>Note</i> |
|------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 4.6        | Bà Phạm Thị Loan   |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 02                                                                                                                  |                                                                                                                                                     | Em<br>gái              |
| 4.7        | Ông Phạm Ngọc Long |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Em<br>trai             |
| 4.8        | Ông Phạm Ngọc Lân  |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Em<br>trai             |
| 4.9        | Bà Phạm Thị Dung   |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Em<br>gái              |
| 4.10       | Bà Phạm Tuyết Mai  |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Em<br>gái              |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i> | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có) <i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu<br>có) <i>Positio<br/>n at the<br/>company<br/>(if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No.,<br/>date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên<br>hệ <i>Address</i> | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ <i>Numb<br/>er of<br/>shares<br/>owned at<br/>the end of<br/>the<br/>period</i> | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối<br>kỳ<br><i>Perce<br/>ntage<br/>of<br/>share<br/>owner<br/>ship at<br/>the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Ghi<br>chú <i>Note</i> |
|------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
|            |                    |                                                                                                             |                                                                                            |                                                                                                               |                                   |                                                                                                                     |                                                                                                                                                     |                        |
| 5          | Ông Lê Quốc Thắng  |                                                                                                             | <b>TV HĐQT<br/>Cổ đông<br/>lớn</b>                                                         |                                                                                                               |                                   | <b>6.000.000</b>                                                                                                    | <b>8.53%</b>                                                                                                                                        |                        |
| 5.1        | Ông Lê Gia Tú      |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Bố                     |
| 5.2        | Bà Nguyễn Thị Thìn |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Mẹ                     |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i> | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có) <i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu<br>có) <i>Positio<br/>n at the<br/>company<br/>(if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No.,<br/>date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên<br>hệ <i>Address</i> | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ <i>Numb<br/>er of<br/>shares<br/>owned at<br/>the end of<br/>the<br/>period</i> | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối<br>kỳ<br><i>Perce<br/>ntage<br/>of<br/>share<br/>owner<br/>ship at<br/>the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Ghi<br>chú <i>Note</i> |
|------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 5.3        | Bà Lê Thị Thúy     |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Chị                    |
| 5.4        | Ông Lê Quốc Thái   |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Anh                    |
| 5.5        | Bà Lê Thanh Thủy   |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Chị                    |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>  | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có) <i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu<br>có) <i>Positio<br/>n at the<br/>company<br/>(if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No.,<br/>date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên<br>hệ <i>Address</i> | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ <i>Numb<br/>er of<br/>shares<br/>owned at<br/>the end of<br/>the<br/>period</i> | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối<br>kỳ<br><i>Perce<br/>ntage<br/>of<br/>share<br/>owner<br/>ship at<br/>the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Ghi<br>chú <i>Note</i> |
|------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 5.6        | Ông Lê Gia Toàn     |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 216.308                                                                                                             | 0.31%                                                                                                                                               | Con<br>trai            |
| 5.7        | Ông Lê Gia Nguyên   |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Con<br>trai            |
| 5.8        | Bà Lê Gia Thụy Minh |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Con<br>gái             |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>              | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có) <i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu<br>có) <i>Positio<br/>n at the<br/>company<br/>(if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No.,<br/>date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên<br>hệ <i>Address</i> | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ <i>Numb<br/>er of<br/>shares<br/>owned at<br/>the end of<br/>the<br/>period</i> | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối<br>kỳ<br><i>Perce<br/>ntage<br/>of<br/>share<br/>owner<br/>ship at<br/>the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Ghi<br>chú <i>Note</i> |
|------------|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 5.9        | Ông Lê Gia Khánh<br>Định        |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Con<br>trai            |
| 5.10       | Bà Lê Gia Chi Nhân              |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Con<br>gái             |
| 6          | Bà Ngô Thu Mật<br>(Wu, Chiu-Mi) |                                                                                                             | TV HĐQT                                                                                    |                                                                                                               |                                   | 2.261.980                                                                                                           | 3,21%                                                                                                                                               |                        |

| stt<br>No.               | Họ tên <i>Name</i>                         | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có) <i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu<br>có) <i>Positio<br/>n at the<br/>company<br/>(if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No.,<br/>date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên<br>hệ <i>Address</i> | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ <i>Numb<br/>er of<br/>shares<br/>owned at<br/>the end of<br/>the<br/>period</i> | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối<br>kỳ<br><i>Perce<br/>ntage<br/>of<br/>share<br/>owner<br/>ship at<br/>the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Ghi<br>chú <i>Note</i> |
|--------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| <b>Cá nhân liên quan</b> |                                            |                                                                                                             |                                                                                            |                                                                                                               |                                   |                                                                                                                     |                                                                                                                                                     |                        |
| 6.1                      | Wu Yu Cheng<br>(Ngô Ngọc Thành)            |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 37.377                                                                                                              | 0,05%                                                                                                                                               | Bố                     |
| 6.2                      | WU YANG SHU<br>LAN (Ngô Dương<br>Ngọc Lan) |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Mẹ                     |
| 6.3                      | Wu, Chiu-Yan<br>(Ngô Thu Yến)              |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 113,404                                                                                                             | 0.16%                                                                                                                                               | Chị                    |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>              | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có) <i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu<br>có) <i>Positio<br/>n at the<br/>company<br/>(if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No.,<br/>date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên<br>hệ <i>Address</i> | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ <i>Numb<br/>er of<br/>shares<br/>owned at<br/>the end of<br/>the<br/>period</i> | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối<br>kỳ<br><i>Perce<br/>ntage<br/>of<br/>share<br/>owner<br/>ship at<br/>the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Ghi<br>chú <i>Note</i> |
|------------|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 6.4        | Ngô Thu Ái<br>(Wu Chiu Ai)      |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   |                                                                                                                     |                                                                                                                                                     | Chị                    |
| 6.5        | Wu Ming Te<br>(Ngô Minh Đức)    |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 379,448                                                                                                             | 0.54%                                                                                                                                               | Anh                    |
| 6.6        | Wu, Chiu-Sen<br>(Ngô Thu Sâm)   |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 112,849                                                                                                             | 0.16%                                                                                                                                               | Chị                    |
| 6.7        | Wu Yueh Hua<br>(Ngô Nguyệt Hoa) |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 57,487                                                                                                              | 0.08%                                                                                                                                               | Em<br>gái              |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>                       | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có) <i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu<br>có) <i>Positio<br/>n at the<br/>company<br/>(if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No.,<br/>date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên<br>hệ <i>Address</i> | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ <i>Numb<br/>er of<br/>shares<br/>owned at<br/>the end of<br/>the<br/>period</i> | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối<br>kỳ<br><i>Perce<br/>ntage<br/>of<br/>share<br/>owner<br/>ship at<br/>the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Ghi<br>chú <i>Note</i> |
|------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 6.8        | Bà Nguyễn Tiểu Mai<br>(Juan Hsiao Mei)   |                                                                                                             | Chủ tịch<br>HĐQT                                                                           |                                                                                                               |                                   | 2,158.571                                                                                                           | 3,07%                                                                                                                                               | Con<br>gái             |
| 6.9        | Ông Nguyễn Khải<br>Phát<br>(Juan Chi Fa) |                                                                                                             | TV HĐQT                                                                                    |                                                                                                               |                                   | 2.299.092                                                                                                           | 3,27%                                                                                                                                               | Con<br>trai            |
| 6.10       | Bà Nguyễn Úc Đình<br>(Juan Yu Ting)      |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Con<br>gái             |

| stt<br>No.               | Họ tên <i>Name</i>                                   | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có) <i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu<br>có) <i>Positio<br/>n at the<br/>company<br/>(if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No.,<br/>date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên<br>hệ <i>Address</i> | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ <i>Numb<br/>er of<br/>shares<br/>owned at<br/>the end of<br/>the<br/>period</i> | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối<br>kỳ<br><i>Perce<br/>ntage<br/>of<br/>share<br/>owner<br/>ship at<br/>the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Ghi<br>chú <i>Note</i> |
|--------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| <b>Tổ chức liên quan</b> |                                                      |                                                                                                             |                                                                                            |                                                                                                               |                                   |                                                                                                                     |                                                                                                                                                     |                        |
| 6.11                     | Công ty TNHH cổ<br>phần Mỹ Lai                       |                                                                                                             | Chủ tịch<br>HĐQT                                                                           |                                                                                                               |                                   |                                                                                                                     |                                                                                                                                                     |                        |
| 7                        | <b>Bà Nguyễn Chính<br/>Chi<br/>(Juan Cheng Chih)</b> |                                                                                                             | TV HĐQT<br>Độc lập<br>Kiêm TV<br>BKT nội<br>bộ                                             |                                                                                                               |                                   | <b>0</b>                                                                                                            |                                                                                                                                                     |                        |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i> | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có) <i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu<br>có) <i>Positio<br/>n at the<br/>company<br/>(if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No.,<br/>date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên<br>hệ <i>Address</i> | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ <i>Numb<br/>er of<br/>shares<br/>owned at<br/>the end of<br/>the<br/>period</i> | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối<br>kỳ<br><i>Perce<br/>ntage<br/>of<br/>share<br/>owner<br/>ship at<br/>the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Ghi<br>chú <i>Note</i> |
|------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 7.1        | LIU TIEN HSIANG    |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   |                                                                                                                     |                                                                                                                                                     | Chồng                  |
| 7.2        | LIU YU FANG        |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   |                                                                                                                     |                                                                                                                                                     | Con<br>gái             |
| 7.3        | LIU YU FEN         |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   |                                                                                                                     |                                                                                                                                                     | Con<br>gái             |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>                                 | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có) <i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu<br>có) <i>Positio<br/>n at the<br/>company<br/>(if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No.,<br/>date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên<br>hệ <i>Address</i> | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ <i>Numb<br/>er of<br/>shares<br/>owned at<br/>the end of<br/>the<br/>period</i> | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối<br>kỳ<br><i>Perce<br/>ntage<br/>of<br/>share<br/>owner<br/>ship at<br/>the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Ghi<br>chú <i>Note</i> |
|------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 7.4        | JUAN FU CHIH                                       |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   |                                                                                                                     |                                                                                                                                                     | Em<br>gái              |
| 7.5        | JUAN MAN CHIH                                      |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   |                                                                                                                     |                                                                                                                                                     | Em<br>gái              |
| 8          | <b>Bà Điền Dục Thanh</b><br><b>(Tien Yu Ching)</b> |                                                                                                             | TV HĐQT<br>Độc lập<br>Kiêm TV<br>BKTNB                                                     |                                                                                                               |                                   | 56,421                                                                                                              | 0.08%                                                                                                                                               |                        |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>      | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có) <i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu<br>có) <i>Positio<br/>n at the<br/>company<br/>(if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No.,<br/>date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên<br>hệ <i>Address</i> | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ <i>Numb<br/>er of<br/>shares<br/>owned at<br/>the end of<br/>the<br/>period</i> | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối<br>kỳ<br><i>Perce<br/>ntage<br/>of<br/>share<br/>owner<br/>ship at<br/>the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Ghi<br>chú <i>Note</i> |
|------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 8.1        | TIEN DE HSING           |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   |                                                                                                                     |                                                                                                                                                     | Bố                     |
| 8.2        | TIEN CHANG HSIU<br>CHEN |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   |                                                                                                                     |                                                                                                                                                     | Mẹ                     |
| 8.3        | TIEN PAO CHIA           |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   |                                                                                                                     |                                                                                                                                                     | Em<br>trai             |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>              | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có) <i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu<br>có) <i>Positio<br/>n at the<br/>company<br/>(if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No.,<br/>date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên<br>hệ <i>Address</i> | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ <i>Numb<br/>er of<br/>shares<br/>owned at<br/>the end of<br/>the<br/>period</i> | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối<br>kỳ<br><i>Perce<br/>ntage<br/>of<br/>share<br/>owner<br/>ship at<br/>the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Ghi<br>chú <i>Note</i> |
|------------|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 8.4        | TIEN FANG HAN                   |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   |                                                                                                                     |                                                                                                                                                     | Chị<br>giá             |
| 8.5        | TIEN SHU FEN                    |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   |                                                                                                                     |                                                                                                                                                     | Chị<br>gái             |
| 9          | Bà Lý Tiên Lệ<br>(Lee Hsien Li) |                                                                                                             | <b>Độc lập<br/>HĐQT<br/>Kiêm TV</b>                                                        |                                                                                                               |                                   | <b>0</b>                                                                                                            |                                                                                                                                                     |                        |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>                                               | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có) <i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu<br>có) <i>Positio<br/>n at the<br/>company<br/>(if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No.,<br/>date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên<br>hệ <i>Address</i> | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ <i>Numb<br/>er of<br/>shares<br/>owned at<br/>the end of<br/>the<br/>period</i> | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối<br>kỳ<br><i>Perce<br/>ntage<br/>of<br/>share<br/>owner<br/>ship at<br/>the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Ghi<br>chú <i>Note</i> |
|------------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
|            |                                                                  |                                                                                                             | <b>BKT nội<br/>bộ</b>                                                                      |                                                                                                               |                                   |                                                                                                                     |                                                                                                                                                     |                        |
| 9.1        | Lee Shu Hua                                                      |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   |                                                                                                                     |                                                                                                                                                     | Chị<br>gái             |
| 9.2        | Lee Ming Yang                                                    |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   |                                                                                                                     |                                                                                                                                                     | Anh<br>trai            |
| 10         | <b>Ông Tu, Chih – Wei</b><br>(Đỗ Trí Vỹ - Đại diện<br>pháp luật) |                                                                                                             | <b>TGD kiêm<br/>Người<br/>CBTT</b>                                                         |                                                                                                               |                                   | <b>30.256</b>                                                                                                       | <b>0,04%</b>                                                                                                                                        |                        |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>               | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có) <i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu<br>có) <i>Positio<br/>n at the<br/>company<br/>(if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No.,<br/>date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên<br>hệ <i>Address</i> | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ <i>Numb<br/>er of<br/>shares<br/>owned at<br/>the end of<br/>the<br/>period</i> | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối<br>kỳ<br><i>Perce<br/>ntage<br/>of<br/>share<br/>owner<br/>ship at<br/>the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Ghi<br>chú <i>Note</i> |
|------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 10.1       | Bà Lý Thiều Hà<br>Lee, Siu-Ha    |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Mẹ                     |
| 10.2       | Ông Đỗ Trí Dũng<br>Tu Chi Yung   |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Anh                    |
| 10.3       | Ông Đỗ Chí Tường<br>Tu Chi Qiang |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Em                     |
| 10.4       | Bà Đồ Mỹ Túc<br>(Tu, Mei Tsu)    |                                                                                                             | Kiểm tra<br>nội bộ                                                                         |                                                                                                               |                                   | 56.403                                                                                                              | 0.08%                                                                                                                                               | Vợ                     |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>                 | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có) <i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu<br>có) <i>Positio<br/>n at the<br/>company<br/>(if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No.,<br/>date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên<br>hệ <i>Address</i> | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ <i>Numb<br/>er of<br/>shares<br/>owned at<br/>the end of<br/>the<br/>period</i> | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối<br>kỳ<br><i>Perce<br/>ntage<br/>of<br/>share<br/>owner<br/>ship at<br/>the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Ghi<br>chú <i>Note</i> |
|------------|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 10.5       | Bà Tu Tian Ai<br>(Đỗ Thiên Ái)     |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Con<br>gái             |
| 10.6       | Ông Tu, Ming-Jun<br>(Đỗ Minh Tuấn) |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Con<br>trai            |
| 11         | <b>Ông Loh Siaw Kiang</b>          |                                                                                                             | <b>Phó TGD<br/>thứ hai</b>                                                                 |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     |                        |
| 11.1       | Wee Ah Moi                         |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Mẹ                     |

| stt No. | Họ tên <i>Name</i>   | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên hệ <i>Address</i> | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i> | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br><i>Percentage of share ownership at the end of the period</i> | Ghi chú <i>Note</i> |
|---------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 11.2    | Loh Siaw Suan        |                                                                                     | Không có                                                             |                                                                                                        |                                | 0                                                                                 |                                                                                                | Anh trai            |
| 11.3    | Nguyễn Thị Tâm       |                                                                                     | NV                                                                   |                                                                                                        |                                | 0                                                                                 |                                                                                                | Vợ                  |
| 11.4    | Loh Nguyễn Tuấn Dĩnh |                                                                                     | Không có                                                             |                                                                                                        |                                |                                                                                   |                                                                                                | Con                 |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i> | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có) <i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu<br>có) <i>Positio<br/>n at the<br/>company<br/>(if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No.,<br/>date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên<br>hệ <i>Address</i> | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ <i>Numb<br/>er of<br/>shares<br/>owned at<br/>the end of<br/>the<br/>period</i> | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối<br>kỳ<br><i>Perce<br/>ntage<br/>of<br/>share<br/>owner<br/>ship at<br/>the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Ghi<br>chú <i>Note</i> |
|------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 12         | Bà Cao Thị Huyền   |                                                                                                             | KTT                                                                                        |                                                                                                               |                                   | 108                                                                                                                 | 0.0002<br>%                                                                                                                                         |                        |
| 12.1       | Đặng Văn Đăng      |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 1.137                                                                                                               | 0.016<br>%                                                                                                                                          | Chồng                  |
| 12.2       | Đặng Thị Linh Chi  |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Con<br>gái             |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>                                                   | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có) <i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu<br>có) <i>Positio<br/>n at the<br/>company<br/>(if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No.,<br/>date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên<br>hệ <i>Address</i> | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ <i>Num<br/>ber of<br/>shares<br/>owned at<br/>the end of<br/>the<br/>period</i> | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối<br>kỳ<br><i>Perce<br/>ntage<br/>of<br/>share<br/>owner<br/>ship at<br/>the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Ghi<br>chú <i>Note</i> |
|------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 12.3       | Đặng Hải Phong                                                       |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   |                                                                                                                     |                                                                                                                                                     | Con<br>trai            |
| 12.4       | <i>Doanh nghiệp tư nhân<br/>thương mại và xây<br/>dựng Hải Phong</i> |                                                                                                             | Giám đốc                                                                                   |                                                                                                               |                                   |                                                                                                                     |                                                                                                                                                     |                        |
| 13         | <i>Phạm Thị Tố Uyên</i>                                              |                                                                                                             | Người phụ<br>trách<br>QTCT                                                                 |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     |                        |
| 13.1       | <i>Phạm Duy Hùng</i>                                                 |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   | 0                                                                                                                   |                                                                                                                                                     | Chồng                  |

| stt<br>No. | Họ tên <i>Name</i>              | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có) <i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu<br>có) <i>Positio<br/>n at the<br/>company<br/>(if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No.,<br/>date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên<br>hệ <i>Address</i> | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ <i>Numb<br/>er of<br/>shares<br/>owned at<br/>the end of<br/>the<br/>period</i> | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối<br>kỳ<br><i>Perce<br/>ntage<br/>of<br/>share<br/>owner<br/>ship at<br/>the<br/>end of<br/>the<br/>period</i> | Ghi<br>chú <i>Note</i> |
|------------|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 13.2       | <i>Phạm Lưu Thảo<br/>Nguyễn</i> |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   |                                                                                                                     |                                                                                                                                                     | Con<br>trai            |
| 13.3       | <i>Phạm Thu Phương</i>          |                                                                                                             | Không có                                                                                   |                                                                                                               |                                   |                                                                                                                     |                                                                                                                                                     | Con<br>gái             |
| 14         | <i>(không có)</i>               |                                                                                                             | <i>Thư ký</i>                                                                              |                                                                                                               |                                   |                                                                                                                     |                                                                                                                                                     |                        |

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết:

| Stt | Người thực hiện giao dịch             | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |        | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |       | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------------------|--------------------------|---------------------------|--------|----------------------------|-------|----------------------------------------------------|
|     |                                       |                          | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ  | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ |                                                    |
| 1   | Ông Nguyễn Khải Phát<br>(Juan Chi Fa) | UV HĐQT                  | 1.888.092                 | 2,683% | 2.299.092                  | 3,27% | Đầu tư                                             |

☐ Các vấn đề cần lưu ý khác: Không

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**


  
 Nguyễn Tiểu Mai